TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 11 - 2019

V/v: "Ly hôn giữa chị S và anh L"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm V Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thế Quang;

Ông Lê V Hùng.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà:*** Bà Mai Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/9/2019 về việc "Ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị S, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 8, xã Đ, huyện X, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Viết L (tên gọi khác Nguyễn Viết H), sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm 8, xã Đ, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Chị S, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Viết L (tên gọi khác Nguyễn Viết H) tự nguyện tìm hiểu, kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 31 tháng 5 năm 2005. Trong cuộc sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Anh L nghi ngờ sự chung thủy của chị nên ghen tuông vô cớ và đánh đập chị. Chị và hai bên gia đình đã động viên nhiều lần để anh L thay đổi nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 26/9/2007 và Nguyễn Viết V, sinh ngày 16/5/2010; hiện đang ở với anh L. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cháu T, để anh L nuôi cháu V, nhưng anh L quyết tâm xin nhận tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung nên chị nhường quyền nuôi con chung sau khi ly hôn cho anh L; chị không cấp dưỡng nuôi con nhưng sẽ hỗ trợ anh L khi có điều kiện.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh L trình bày: Anh và chị S tự nguyện tìm hiểu, kết hôn như chị S trình bày. Trong cuộc sống nhiều khi vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, cãi chửi nhau do tính tình, lối sống không hòa hợp, chị S tự ý bỏ đi theo người đàn ông khác. Anh và gia đình có đi tìm chị S về để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc, nuôi dạy con con cái nhưng chị S không về. Nay chị S làm đơn xin ly hôn anh thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì anh là người theo đạo công giáo nên anh không ly hôn.

Về con chung: Anh và chị S có 02 con chung là Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 26/9/2007 và Nguyễn Viết V, sinh ngày 16/5/2010; hiện đang ở với anh. Khi ly hôn, anh xin nhận tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nghĩa vụ tài sản: Anh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử , các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng

mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử ly hôn giữa chị S và anh L; giao 02 con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 26/9/2007 và Nguyễn Viết V, sinh ngày 16/5/2010 cho anh L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyễn đơn chị S và bị đơn anh L đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh L có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn ngày 31/5/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống chị S và anh L phát sinh mâu thuẫn do tính cách, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung; vợ chồng nghị ngờ sự chung thủy của nhau. Chị S và anh L đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng anh L xin vắng mặt, điều đó thể hiện anh L không thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị S và anh L đã kéo dài, các bên không còn thiết tha đoàn tụ, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S đối với anh L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị S và anh L có 02 con chung là Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 26/9/2007 và Nguyễn Viết V, sinh ngày 16/5/2010; hiện đang ở với anh L. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả chị S và anh L đều nhất trí để anh L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Bảo T và cháu Nguyễn Viết V cho anh L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về vấn đề cấp dưỡng, do anh L không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị S phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị S và anh Nguyễn Viết L (tên gọi khác Nguyễn Viết Huyến).

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 26/9/2007 và Nguyễn Viết V, sinh ngày 16/5/2010 cho anh Nguyễn Viết L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị S phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0001631 ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị Lê Thị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu V phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm V Thung